

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 181/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23/06/2025
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Lưu Duy Mạnh.

- **Hội thẩm nhân dân:**

+ Ông Trương Văn Hơn.

+ Ông Nguyễn Văn Cường.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Hùng Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang** tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 06 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 141/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 06 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị N, sinh năm: 1963 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện G, Tiền Giang.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn O, sinh năm: 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp V, xã B, huyện G, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Lê Thị N trình bày:**

Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn O tiến đến hôn nhân trên cơ sở mai mối; các bên đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã B, huyện G năm 2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện nay, bà N và ông O đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Nay bà N nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lê Thị N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn O.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 05/06/1986; Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 31/08/1996. Hiện nay, cháu H và cháu H1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Văn O không cung cấp cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị N.**

*** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn O.

+ Về con chung: Do con chung của bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn O là Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 05/06/1986; Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 31/08/1996 đã đủ 18 tuổi và đủ năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Lê Thị N xác định không có và ông Nguyễn Văn O không có ý kiến nên không xem xét.

+ Về án phí: Bà Lê Thị N được miễn nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1/ Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “*Ly hôn*”; bị đơn Nguyễn Văn O cư trú tại ấp V, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2/ Về sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn Lê Thị N xin vắng mặt, bị đơn Nguyễn Văn O vắng mặt tại phiên tòa lần 02 dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không vì lý do khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông O.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn O kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B theo giấy chứng nhận kết hôn số 66 ngày 16/06/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Theo bà N trình bày: Trong quá trình chung sống, bà N và ông O thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau; ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, ông O cũng bỏ mặc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà N. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông O và bà N đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc, dân chủ, hòa thuận và bền vững không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn O có 02 con chung: Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 05/06/1986; Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh ngày 31/08/1996.

Do con chung của bà N và ông O đã đủ 18 tuổi và đủ năng lực trách nhiệm hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà Lê Thị N xác định không có và ông Nguyễn Văn O không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; tuy nhiên, do bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét cho bà N miễn nộp án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm b Khoản 2 Điều 227; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn O.

2/ Về con chung: Không xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chưa xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí:

- Bà Lê Thị N được miễn nộp án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn O không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã B, huyện G;
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Duy Mạnh